

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/TTCS Gia Lai/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0269 3657 288

Fax: 0269 3657 288

E-mail: ttcsgl@ttcsbialai.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 5900421955

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN**

2. Thành phần: Saccharose (100% Đường mía).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: sử dụng tốt nhất trước 02 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

– Quy cách bao gói: 50kg.

– Chất liệu bao bì: được đóng gói 2 lớp bao bì: Lớp ngoài – bao PP, lớp trong – bao PE.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1. Xuất xứ: Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng

– Tên tổ chức: Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai

– Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai

5.2. Địa chỉ sản xuất: Đường trắng tiêu chuẩn được sản xuất và đóng gói tại:

Cơ sở 1: Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “F” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy F

Cơ sở 2: Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa.

Địa chỉ: xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “G” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G

Cơ sở 3: Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai.

Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “A” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy A

Cơ sở 4: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa.

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.



Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy D

Cơ sở 5: Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang.

Địa chỉ: 160 Bắc Ái, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “E” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy E

Cơ sở 6: Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu.

Địa chỉ: Bản Na Sược, huyện Phú Vông, tỉnh Attapeu, Lào.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “I” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy I

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

- QCVN 8-2:2011/BYT: Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng Asen	mg/kg	≤ 1
2	Hàm lượng Chì	mg/kg	$\leq 0,5$
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	≤ 1
4	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	$\leq 0,05$

2. Thông tư của các bộ, ngành

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	≤ 5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	$\mu\text{g/kg}$	≤ 15

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	2,4 - D	mg/kg	$\leq 0,05$
2	Aldicarb	mg/kg	$\leq 0,1$
3	Azinphos - methyl	mg/kg	$\leq 0,2$
4	Cacbofuran	mg/kg	$\leq 0,1$
5	Chlorantraniliprole	mg/kg	$\leq 0,5$
6	Clothianidin	mg/kg	$\leq 0,4$

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
7	Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/kg	$\leq 0,05$
8	Cypermethrins (bao gồm alpha- and zeta - cypermethrin)	mg/kg	$\leq 0,2$
9	Dicamba	mg/kg	≤ 1
10	Ethoprophos	mg/kg	$\leq 0,02$
11	Glyphosate	mg/kg	≤ 2
12	Imazapic	mg/kg	$\leq 0,01$
13	Isoxaflutole	mg/kg	$\leq 0,01$
14	Mesotrione	mg/kg	$\leq 0,01$
15	Novaluron	mg/kg	$\leq 0,5$
16	Propiconazole	mg/kg	$\leq 0,02$
17	Tebufozide	mg/kg	≤ 1
18	Trinexapac-ethyl	mg/kg	$\leq 0,5$

– Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Nhãn hàng hóa.

3. Tiêu chuẩn Quốc gia

– TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – Yêu cầu vệ sinh

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/10g	≤ 200
2	Nấm men	CFU/10g	≤ 10
3	Nấm mốc	CFU/10g	≤ 10
4	Hàm lượng sunphua dioxit (SO ₂)	mg/kg	< 10

4. Tiêu chuẩn nhà sản xuất

4.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể sáng, tơi khô. Khi chịu lực nén, các tinh thể có thể bị nén lại và vón cục nhẹ, tơi ra khi có tác động lực.
- Mùi vị: Tinh thể và dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Dung dịch: dung dịch trong suốt khi pha với nước cất.

4.2. Các chỉ tiêu hóa lý:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Đường Saccharose (Pol)	%	$\geq 99,7$
2	Sự giảm khối lượng khi sấy ở 105 ⁰ C trong 3h (độ ẩm)	%	$\leq 0,07$
3	Độ màu	ICUMSA	≤ 200
4	Hàm lượng tro dẫn điện	%	$\leq 0,07$
5	Hàm lượng đường khử	%	$\leq 0,1$

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Gia Lai, ngày 19 tháng 12 năm 2019
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký tên, đóng dấu)

Phan Văn Đức





TTC TTC PACKING			Tên khách hàng: TTC GIA LAI Tên maquette: Đường trắng tiêu chuẩn SEC 50kg
Thông tin	Họ và tên	Ký tên	Mã maquette: DDGialai002-03 Kích thước bao: 60x93 cm lọt lòng
NV.TK	NV.Xuân		Nội dung sửa đổi: Đường Mía, bỏ XNCB
TP.KD/KH			Ngày hiệu lực: / /
TP.QLCL	PD.Vũ		Màu: ■ Xanh lá
BTGD/GĐCN (nếu có)			

13/03/2019
Page 01/03

- | | |
|---|---|
| 1. Tên mẫu
Name of sample | : ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN (GIA LAI) |
| 2. Mô tả mẫu
Sample description | : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label. |
| 3. Số lượng mẫu
Quantity | : 01 |
| 4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving | : 04/03/2019 |
| 5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration | : 05/03/2019 - 13/03/2019 |
| 6. Nơi gửi mẫu
Customer | : CÔNG TY TNHH MTV THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI
561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị Xã AyunPa,
Tỉnh Gia Lai |
| 7. Kết quả thử nghiệm
Test results | : Xem trang / See page 02 - 03/03 |

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR

CÔNG CỘNG CHỨNG SỐ 2 TỈNH GIA LAI
 CHUNG NHẬN ĐÁN SẠO NÀY
 ĐỒNG BÀN CHÍNH
 số: 4330 Quyển 02/2019
 Ngày 06 tháng 12 năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

Nguyễn Thanh Công

Ngô Quốc Việt

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Viện

- [illegible]

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan/ Sensory - Trạng thái bên ngoài/ Appearance - Màu sắc / Color - Mùi Vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, hơi khô, không vón cục/ White crystal, relatively same in size, dry Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cho dung dịch trong/ White crystal, clear solution when adding in water Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor & taste
7.2. Độ Pol ở 20°C Polarization at 20°C	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA	-	99,8
7.3. Hàm lượng đường khử, g/100 g Reducing sugar content	GS 2/3/9 - 5 (2011) ICUMSA	-	$2,40 \times 10^{-2}$
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện, g/100 g Conductivity ash content	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	$2,81 \times 10^{-2}$
7.5. Độ ẩm, g/100 g Moisture content	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	$2,50 \times 10^{-2}$
7.6. Độ màu/ Color, IU	GS 2/3 - 9 (2005) ICUMSA	-	110

TINH
ĐANG
CHỨNG
SỐ 2



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Đường Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Branch: No. 1, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CSH: 1, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 3829 4294

Tel: (84-251) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 3174

Fax: (84-28) 3829 3017

Fax: (84-251) 383 6298

Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn

E-mail: info@quatest3.com.vn

E-mail: info@quatest3.com.vn



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.7. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg Sulfur dioxide content	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	3,69
7.8. Hàm lượng tạp chất không tan, mg/kg Insoluble matter content	GS 2/3/9 - 19 (2007) ICUMSA	-	6,96
7.9. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 196:2018 (Ref: AOAC 2016 (2013.06))	0,006	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	AOAC 2016 (2013.06)	0,01	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427:2010	0,01	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064:2016	0,015	Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng đồng, mg/kg Copper content	AOAC 2016 (999.11)	0,12	Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , μg/kg Aflatoxin B ₁ content	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện Not detected
7.15. Hàm lượng aflatoxin, μg/kg Aflatoxin content	TCVN 7596:2007		
• B ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• B ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
• G ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• G ₂		0,10	Không phát hiện Not detected

GIÁ
LẠI



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Branch: 7, Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

CS 1: 49 Nguyễn Văn Trỗi, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-28) 3839 4224

Tel: (84-281) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 1169

Fax: (84-28) 3839 3012

Fax: (84-281) 383 6298

Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn

E-mail: qc-cskh@quatest3.com.vn

E-mail: qc-cskh@quatest3.com.vn



KT3-01124BTP9/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

13/03/2019

Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : **ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN (GIA LAI)**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 04/03/2019
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 05/03/2019 - 13/03/2019
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH MTV THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI**
561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị Xã AyunPa, Tỉnh Gia Lai
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

Ngô Quốc Việt

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Viện

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm đã được ghi rõ (about test sample(s) only).
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của Phòng Kỹ Thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng./ Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng./ Sample name and customer name written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng loại 1, $k=2$, ở 95% mức tin cậy là 95%./ Expanded uncertainty of measurement, $k=2$, at 95% confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Biên Hòa, TP. Đồng Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cát Lái H. TP. HCM, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4174
Fax: (84-251) 387 6212
Tel: (84-28) 3742 2150

Fax: (84-29) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.qlt.vn
E-mail: in-qlt@ngat.vn
E-mail: in-qlt@ngat.vn

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/10 g <i>Total aerobic plate count</i>	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017	-	1,5 x 10 ¹
7.2. Tổng số nấm men, CFU/10 g <i>Total yeasts</i>	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	2,0 x 10 ⁰
7.3. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g <i>Total moulds</i>	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.4. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.5. <i>E. Coli</i> giả định, MPN/g	ISO 7251:2005	-	0
7.6. <i>Salmonella</i> spp./ 25 g	ISO 6579-1:2017	-	Âm tính Negative
7.7. Enterobacteriaceae, CFU/g	ISO 21528-2:2017	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.8. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.9. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive Bacillus cereus</i>	ISO 7932:2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.10. Vi khuẩn kỵ khí khử sulfite, CFU/g <i>Sulfite reducing bacteria growing under anaerobic conditions</i>	ISO 15213:2003	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.11. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937:2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g, 1 CFU/10g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g, 1 CFU/10g when the dish contains no colony.



QUATEST 3®

Head Office: 49 Phố, Đ. 1, P. CMC, Vietnam

Branch: No. 7, road no. 1, Dien Hoa 1/2, Dong Nai, Vietnam

Cố địa 87, phố, Cầu Lộ 12, Đ. 1, CMC, Vietnam

Tel: (84-24) 3829 4274

Tel: (84-24) 382 6212

Tel: (84-24) 3742 3160

Fax: (84-24) 3829 3012

Fax: (84-251) 385 6298

Fax: (84-23) 3742 3174

Website: www.quatest.com.vn

E-mail: in-skh@quatest.com.vn

E-mail: in-skh@quatest.com.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu

743-2019-00012962

Mã số kết quả

AR-19-VD-015305-01-VI / EUVNHC-00062295



CÔNG TY TNHH MTV THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI

561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo
Thị xã AyunPa
Tỉnh Gia Lai
Việt Nam



Tên mẫu:

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN (GIA LAI)

Tình trạng mẫu:

Mẫu đựng trong túi nhựa

Ngày nhận mẫu :

01/03/2019

Thời gian thử nghiệm:

01/03/2019 - 07/03/2019

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:

08/03/2019

Mã số PO của khách hàng :

J8SF190301001

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD0JE VD Mesotrione	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD0J2 VD 2,4-D	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
3	VD0P3 VD (a) Cyhalothrin, lambda-	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
4	VD0SD VD (a) Novaluron	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
5	VD0SE VD (a) Clothianidin	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
6	VD0SV VD (a) Aldicarb	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
7	VD0T1 VD (a) Carbofuran	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
8	VD0TC VD (a) Ethoprophos	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
9	VD0U3 VD (a) Propiconazole	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
10	VD0U6 VD (a) Tebufenozide	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
11	VD0YM VD (a) Chlorantraniliprole	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
12	VD0Z2 VD (a) Imazapic	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
13	VD1CU VD (a) Azinphos-methyl	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
14	VD1FS VD (a) Cypermethrin	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.005)
15	VD1BV VD Dicamba	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
16	VD21W VD (a) Glyphosate	mg/kg	QuPPE-Method, mod.	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD1BM VD Isoxaflutole	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
18	VD1A5 VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 12/03/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238

CÔNG TY TNHH MTV
THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI
Số: 154./2020/CV-TTCS Gia Lai

V/v điều chỉnh nhãn hàng hóa cho sản phẩm
Đường trắng tiêu chuẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 14. tháng 12. năm 2020

Kính gửi: Chi cục An toàn vệ sinh Thực phẩm tỉnh Gia Lai

Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai đã thực hiện tự công bố sản phẩm: Đường trắng tiêu chuẩn số: 01/TTCS Gia Lai/2019 và đã được đăng tải tên tổ chức và tên sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty chúng tôi xin được điều chỉnh nội dung Nhãn hàng hóa cho sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Nhãn đang sử dụng	Nhãn sau khi điều chỉnh
1	Logo Công ty		
2	Thành phần định lượng	Saccharose (%): ≥ 99.7	Saccharose (%): $\geq 99,7$
3	Hạn sử dụng	Sử dụng tốt nhất trước 02 năm kể từ ngày sản xuất. Best before 02 years from production date.	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Best before 24 months from production date.
4	Các biểu trưng về các hệ thống quản lý		(Hủy bỏ)
5	Các logo và khẩu hiệu bảo vệ môi trường	-	 Bảo vệ môi trường sạch đẹp, xanh tươi từ vào thùng rác sau khi sử dụng

Kính đề nghị Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Gia Lai xem xét chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai điều chỉnh nội dung Nhãn hàng hóa cho sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn. (Đính kèm mẫu nhãn bao bì sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn).

Rất mong được sự chấp thuận của Quý Chi cục.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT



Vũ Thị Lan



200 mm

30 mm

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN 50 KG



ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN STANDAR WHITE SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): **50 kg**

THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

SACCHAROSE (%): $\geq 99,7$

Sản phẩm của

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI**

561 Trần Hưng Đạo, P. Cheo Reo, Thị Xã Ayunpa, Gia Lai

ĐT: 0269. 365 7288 . Website: www.ttcsgialai.com.vn



- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT
- TRÁNH ĐỂ NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT

BEST BEFORE 24 MONTHS FROM PRODUCTION DATE



ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN 50 KG

30 mm

100 mm

**CÔNG TY TNHH MTV
THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI**

Số: 21../2022/CV-TTCS Gia Lai

V/v điều chỉnh cơ sở sản xuất cho sản phẩm
Đường trắng tiêu chuẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 15. tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Chi cục An toàn vệ sinh Thực phẩm tỉnh Gia Lai

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 02 tháng 02 năm 2018;
- Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BYT của Bộ Y tế, ngày 06 tháng 09 năm 2021;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai xin điều chỉnh nội dung trong Hồ sơ tự Công bố chất lượng sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn số: 01/TTCS Gia Lai/2019, cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh	Tài liệu thay đổi
1	Thông tin về địa chỉ sản xuất	Cơ sở 3: Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Cơ sở 3: Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Bản tự công bố sản phẩm
2	Giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	• Aflatoxin B1: không lớn hơn 5 µg/kg • Aflatoxin B1B2G1G2: không lớn hơn 15 µg/kg	(Bãi bỏ theo Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Điều 1 Thông tư 12/2021/TT-BYT ngày 06 tháng 09 năm 2021)	

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục để nắm tình hình.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Vũ Thị Lan

CÔNG TY TNHH MTV
THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI

Số: 240./2022/CV-TTCS Gia Lai

V/v điều chỉnh Bản tự công bố sản phẩm và Nhãn
hàng hóa sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 30. tháng 12 năm 2022

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH GIA LAI

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính Phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính Phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai chúng tôi xin được điều chỉnh nội dung của sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn, số tự công bố: 01/TTCS Gia Lai/2019, trên Bản tự công bố sản phẩm và Nhãn hàng hóa như sau:

STT	Nội dung	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
I	Bản tự công bố sản phẩm		
1	II. Thông tin về sản phẩm		
	2. Thành phần:	Saccharose (100% Đường mía)	Đường mía
	3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:	Sử dụng tốt nhất trước 02 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.
2	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm		
	4. Tiêu chuẩn nhà sản xuất		
	4.3. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản và thông tin cảnh báo	Bổ sung thông tin về hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản và thông tin cảnh báo	
		(Chưa có)	Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp và dùng trong chế biến thực phẩm. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời. Thông tin cảnh báo: Không sử



(Handwritten signature)

			dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.
II	Nhãn hàng hóa		
1	Xuất xứ hàng hóa	(Chưa có)	Xuất xứ: Việt Nam
2	Website	www.ttcsgialai.com.vn	www.ttcsugar.com.vn
3	Thành phần định lượng	Saccharose (%): $\geq 99,7$	(Hủy bỏ)
4	Ngày sản xuất	(Chưa có)	Ngày sản xuất được in trên bao bì
5	Hạn sử dụng	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất Best before 24 months from production date	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất
6	Hướng dẫn bảo quản	Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh để nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.	Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.
7	Thông tin cảnh báo	(Chưa có)	Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.
8	Logo Công ty		



Tuy nhiên thời điểm này, Công ty chúng tôi đang trong vụ sản xuất 2022-2023, các công tác liên quan đến hoạt động sản xuất của mùa vụ đã được chuẩn bị và thực hiện trước đó, trong đó, có việc mua nguyên liệu bao bì. Ở thời điểm hiện tại, số lượng bao bì tồn kho như sau:

STT	Loại bao bì	Số lượng bao bì tồn (Bộ)
1	Đường trắng tiêu chuẩn	29.828

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục về việc điều chỉnh bản tự công bố sản phẩm và nhãn hàng hóa của sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn theo nội dung như trên và chúng tôi xin được tiếp tục sử dụng lượng bao bì tồn cho đến hết vụ sản xuất 2022-2023, hoặc cho đến khi hết bao bì nhãn cũ.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT



Vũ Thị Lan



NHÂN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

600 mm

TTC DDMYY

BAO BÌ ĐƯỢC SẢN XUẤT TẠI TTC PACKING - LIÊN HỆ: 0961 41 66 88

200 mm



ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN STANDARD WHITE SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): **50 kg**
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

Sản phẩm của
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI**
561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Gia Lai
ĐT: 0269. 365 7288 . Website: www.ttcsugar.com.vn
Xuất xứ: Việt Nam



- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RAO, THÔNG MÁT, TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



100 mm

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN **50 KG**

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN **50 KG**

930 mm

30 mm

70 mm
60 mm

CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP

AGRIS GIA LAI

Số: 156./2023/CV-AGRIS GIA LAI

V/v điều chỉnh hồ sơ tự công bố sản phẩm
Đường trắng tiêu chuẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 27. tháng 11. năm 2023

Kính gửi: Chi cục An toàn vệ sinh Thực phẩm tỉnh Gia Lai

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 02 tháng 02 năm 2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhận hàng hóa;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty CP Nông nghiệp AgriS Gia Lai xin được điều chỉnh thông tin liên quan đến Hồ sơ tự Công bố sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn số: 01/TTCS Gia Lai/2019, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM			
1	I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm		
	Tên tổ chức, cá nhân	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Công ty CP Nông nghiệp AgriS Gia Lai
	Điện thoại, Fax	0269 3657 288	0269 3657 345
	E-mail	ttcsgl@ttcsgialai.com.vn	ttcsgialai@ttcagris.com.vn
2	II. Thông tin về sản phẩm		
	2. Thành phần:	Đường mía (Điều chỉnh theo công văn 240/2022/CV/TTCS Gia Lai ngày 30 tháng 12 năm 2022)	Đường mía 100%
3	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm		
	2. Thông tư của các bộ, ngành	(Chưa có)	Bổ sung Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14



			tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa
NHÃN HÀNG HÓA			
STT	Nội dung	Nhãn đang sử dụng	Nhãn sau khi điều chỉnh
1	Thành phần	Đường mía	Đường mía 100%
2	Tên tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa	Sản phẩm của CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÀNH THÀNH CÔNG GIA LAI	Sản phẩm của CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
3	Website	www.ttcsugar.com.vn	www.ttcagris.com.vn
4	Logo Tự hào là thành viên liên minh tái chế bao bì Việt Nam	(Chưa có)	TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN  LIÊN MINH TÁI CHẾ BAO BÌ VIỆT NAM
5	Số điện thoại	ĐT: 0269.365 7288	 HOTLINE 0269 365 7345
6	Mã QR	(Chưa có)	
7	Mã số mã vạch	 8 938502 564022	 8 938502 564022

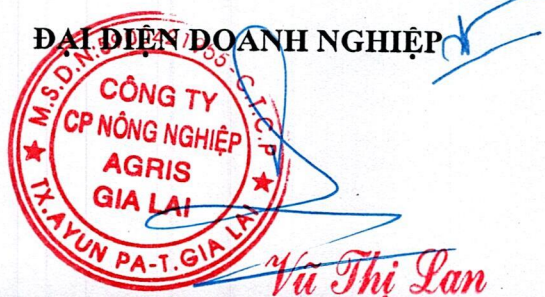


Bằng Công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục v/v điều chỉnh hồ sơ tự công bố sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn theo nội dung như trên và chúng tôi xin được tiếp tục sử dụng lượng bao bì tồn kho cho đến khi hết bao bì nhãn cũ, dự kiến khoảng tháng 12/2023.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT





200 mm

30 mm

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN 50 KG



ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN² STANDARD WHITE SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 50 kg
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA 100%

Sản phẩm của
CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Gia Lai
Website: www.ttcagris.com.vn
Xuất xứ: Việt Nam

TU HAO LA THANH VIEN



LIÊN MINH
TÀI CHẾ BẢO VỆ
VIỆT NAM

HOTLINE
0269 365 7345



- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



30 mm

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN 50 KG

100 mm

CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP

AGRIS GIA LAI

Số: 169/2025/CV-AgriS Gia Lai

V/v điều chỉnh hồ sơ tự công bố sản phẩm
Đường trắng tiêu chuẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 31 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH GIA LAI

- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 06 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Công ty CP Nông nghiệp AgriS Gia Lai xin được điều chỉnh thông tin liên quan đến Hồ sơ tự công bố sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn số: 01/TTCS Gia Lai/2019, cụ thể như sau:

1. Bản tự công bố

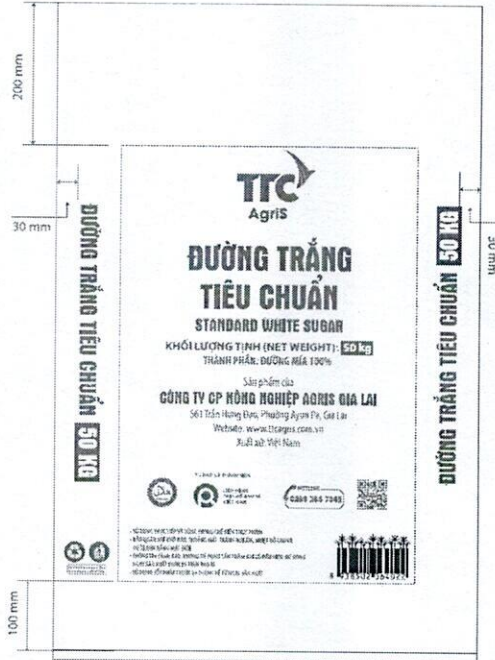
STT	Nội dung	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
1	I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm		
	Địa chỉ	561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai	561 Trần Hưng Đạo, Phường Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
	Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP		Cơ sở đã có chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000 còn hiệu lực. Số giấy chứng nhận COID-VNM-1-6756-214240 được cấp lần đầu ngày 25/06/2016 và nơi cấp Bureau Veritas Certification.
2	II. Thông tin về sản phẩm		
	4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:	– Quy cách bao gói: 50kg. – Chất liệu bao bì: được đóng gói 2 lớp bao bì: Lớp ngoài – bao PP, lớp trong – bao PE.	– Quy cách đóng gói: Bao 50kg, bao 1000kg. – Chất liệu bao bì: + Bao 50kg: Sản phẩm chứa trong bao hai lớp. Lớp bao PE bên trong và lớp bao PP bên ngoài. + Bao 1000kg: Sản phẩm chứa trong bao hai lớp. Lớp bao PE bên trong và lớp bao PP bên ngoài. Miệng trên bao có kết cấu ống nạp, đáy bao có

STT	Nội dung	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh
			ống xả, bao được thiết kế có 4 quai nâng.
	5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm	5.1. Xuất xứ: Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng - Tên tổ chức: Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai - Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai 5.2. Địa chỉ sản xuất: Đường trắng tiêu chuẩn được sản xuất và đóng gói tại: Cơ sở 1: Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai. Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “F” sau ngày sản xuất. Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy F Cơ sở 2: Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa. Địa chỉ: xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “G” sau ngày sản xuất. Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G Cơ sở 3: Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai. Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “A” sau ngày sản xuất. Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy A Cơ sở 4: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa. Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất. Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy D Cơ sở 5: Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang.	5.1. Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng: CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, Phường Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam 5.2. Địa chỉ cơ sở sản xuất và đóng gói: Cơ sở 1: CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, Phường Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “F” sau ngày sản xuất Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy F Cơ sở 2: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA - PHAN RANG Địa chỉ: Số 160 đường Bác Ái, Phường Đô Vinh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “E” sau ngày sản xuất Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy E

STT	Nội dung	Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh																																												
		Địa chỉ: 160 Bắc Ái, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “E” sau ngày sản xuất. Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy E Cơ sở 6: Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu. Địa chỉ: Bản Na Sược, huyện Phu Vông, tỉnh Attapeu, Lào. Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “I” sau ngày sản xuất. Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy I																																													
3	IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm																																														
	2. Thông tư của các bộ, ngành	Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.	(Bãi bỏ theo Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ y tế v/v Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm)																																												
	3. Tiêu chuẩn Quốc gia	TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – Yêu cầu vệ sinh	(Hủy bỏ do TCVN 7270:2003 đã hết hiệu lực)																																												
	4. Tiêu chuẩn nhà sản xuất	4. Tiêu chuẩn nhà sản xuất 4.1. Các chỉ tiêu cảm quan: 4.2. Các chỉ tiêu hóa lý: <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức công bố</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Đường Saccharose (Pol)</td><td>%</td><td>≥ 99,7</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Sự giảm khối lượng khi sấy ở 105°C trong 3h (độ ẩm)</td><td>%</td><td>≤ 0,07</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Độ màu</td><td>ICUMSA</td><td>≤ 200</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Hàm lượng tro dẫn</td><td>%</td><td>≤ 0,07</td></tr> </tbody> </table>	TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	1	Đường Saccharose (Pol)	%	≥ 99,7	2	Sự giảm khối lượng khi sấy ở 105°C trong 3h (độ ẩm)	%	≤ 0,07	3	Độ màu	ICUMSA	≤ 200	4	Hàm lượng tro dẫn	%	≤ 0,07	3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất 3.1. Các chỉ tiêu cảm quan: 3.2. Các chỉ tiêu hóa lý: <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th><th>Tên chỉ tiêu</th><th>Đơn vị tính</th><th>Mức công bố</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Độ Pol</td><td>°Z</td><td>≥ 99,7</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Độ ẩm</td><td>%</td><td>≤ 0,07</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Độ màu</td><td>ICUMSA</td><td>≤ 150</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Độ tro dẫn điện</td><td>%</td><td>≤ 0,07</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Hàm lượng đường khử</td><td>%</td><td>≤ 0,07</td></tr> </tbody> </table>	TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	1	Độ Pol	°Z	≥ 99,7	2	Độ ẩm	%	≤ 0,07	3	Độ màu	ICUMSA	≤ 150	4	Độ tro dẫn điện	%	≤ 0,07	5	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0,07
TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố																																												
1	Đường Saccharose (Pol)	%	≥ 99,7																																												
2	Sự giảm khối lượng khi sấy ở 105°C trong 3h (độ ẩm)	%	≤ 0,07																																												
3	Độ màu	ICUMSA	≤ 200																																												
4	Hàm lượng tro dẫn	%	≤ 0,07																																												
TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố																																												
1	Độ Pol	°Z	≥ 99,7																																												
2	Độ ẩm	%	≤ 0,07																																												
3	Độ màu	ICUMSA	≤ 150																																												
4	Độ tro dẫn điện	%	≤ 0,07																																												
5	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0,07																																												

STT	Nội dung	Trước khi điều chỉnh				Sau khi điều chỉnh			
			điện			6	Hàm lượng SO ₂	mg/kg	< 10
		5	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0,1				
						3.3. Các chỉ tiêu vi sinh:			
						TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
						1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ 10g	≤ 200
						2	Nấm men	CFU/ 10g	≤ 10
						3	Nấm mốc	CFU/ 10g	≤ 10

2. Nhãn sản phẩm

Nhãn sản phẩm trước khi thay đổi	Nhãn sản phẩm sau khi thay đổi
Nhãn bao 50kg 	Nhãn bao 50kg  Nội dung thay đổi: Địa chỉ tổ chức chịu trách nhiệm về hàng hóa - Trước khi thay đổi: 561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayun Pa, Gia Lai - Sau khi thay đổi: 561 Trần Hưng Đạo, Phường Ayun Pa, Gia Lai

Nhãn sản phẩm trước khi thay đổi	Nhãn sản phẩm sau khi thay đổi
	Bổ sung Nhãn bao 1000kg 

Bằng Công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục v/v điều chỉnh hồ sơ tự công bố sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn theo nội dung như trên và chúng tôi xin được tiếp tục sử dụng lượng bao bì tồn kho cho đến khi hết bao bì nhãn cũ, dự kiến khoảng tháng 01/2026.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT





18 cm

15 cm



ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN

STANDARD WHITE SUGAR

Thành Phần

Đường mía 100%

Khối lượng tịnh

1000 kg

HOTLINE
0269 365 7345



Sản phẩm của:
CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
561 Trần Hưng Đạo, Phường Ayun Pa, Gia Lai
Website: www.ttcagris.com.vn



TỰ HAO LÀ THÀNH VIÊN



LIÊN MINH
TÁI CHẾ BAO BÌ
VIỆT NAM

Xuất xứ: Việt Nam



8 938502 564244

- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM.
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOÁNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI.
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG.
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ.
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT.



200 mm

30 mm

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN 50 KG

100 mm



ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN STANDARD WHITE SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): **50 kg**
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA 100%

Sản phẩm của
CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP AGRIS GIA LAI
561 Trần Hưng Đạo, Phường Ayun Pa, Gia Lai
Website: www.ttcagris.com.vn
Xuất xứ: Việt Nam

TU Hào LA THANH VIÊN



LIÊN MINH
TÁI CHẾ BAO BÌ
VIỆT NAM

HOTLINE
0269 365 7345



Các nhà sản xuất sạch đẹp, môi trường
bền vững cùng nhau xây dựng

- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGÀY SẢN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



8 938502 564022

ĐƯỜNG TRẮNG TIÊU CHUẨN 50 KG

30 mm